

THÔNG BÁO

Về việc niêm yết công khai chế độ trẻ ăn trưa, chi phí học tập và miễn giảm học phí đã được phê duyệt học kỳ 2 Năm học 2024 – 2025.

Căn cứ thông tư số 36/2017/TT-BGDĐT ngày 28/12/2017 về việc ban hành quy chế thực hiện công khai đối với cơ sở giáo dục và đào tạo thuộc hệ thống giáo dục quốc dân;

Công văn số 130/GD&ĐT-TV ngày 14/02/2025 của Phòng GD&ĐT Diễn Châu về việc thẩm định các chế độ chính sách của học sinh học kỳ 2 năm học 2024-2025.

Căn cứ tờ trình số 40/TR-MN ngày 21/02/2025 của trường Mầm non Diễn Tân về việc đề nghị thẩm định phê duyệt kinh phí thực hiện chế độ miễn, giảm cấp bù học phí; Hỗ trợ chi phí học tập; Chế độ trẻ ăn trưa học kỳ 2 năm học 2024-2025 đã được phòng giáo dục đào tạo Diễn Châu phê duyệt

Căn cứ biên bản làm việc ngày 24/02/2025 giữa Phòng GD & ĐT Diễn Châu và Trường Mầm non Diễn Tân, về dự toán thu, chi cấp học phí; Thẩm định chế độ miễn, giảm học phí; hỗ trợ chi phí học tập; chế độ trẻ ăn trưa học kỳ 2 năm học 2024-2025.

Trường mầm non Diễn Tân thông báo niêm yết:

Công khai chế độ ăn trưa, chi phí học tập và miễn giảm học phí được phê duyệt học kỳ 2 năm học 2024-2025 (số liệu có mẫu biểu kèm theo)

1. Hình thức, địa điểm và thời gian niêm yết công khai:

1.1. Hình thức, địa điểm:

- Gửi văn bản cho tất cả hội trưởng hội phụ huynh ở tất cả các lớp;
- Thông báo trước hội đồng nhà trường;
- Niêm yết tại bảng công khai của nhà trường

1.2. Thời gian:

Thời gian niêm yết từ 8h ngày 25/02/2025 đến 16h 30 phút ngày 11/3/2025.

2. Yêu cầu: Mọi cán bộ giáo viên nhân viên, phụ huynh và nhân dân xem bảng niêm yết về các nội dung công khai nếu có điều gì thắc mắc sẽ phản ánh về tổ công khai.

Nơi nhận:

- BDDCMHS;

- Các tổ CM;

- Lưu: VP.



Trần Thị Thủy

DANH SÁCH HỌC SINH ĐƯỢC XÉT MIỄN, GIẢM HỌC PHÍ HỌC KỲ II NĂM HỌC 2024-2025

Đơn vị tính: đồng

Trong đó học sinh thuộc đối tượng chính sách (ghi số lượng HS)																		
TT	Họ và tên	Hộ khẩu thường trú	Dân tộc	Đối tượng được miễn học phí (thứ tự theo TT số 09/2016)											Đối tượng được giảm 50% học phí		Mức thu học phí theo NQ số 53/2016 / NQ.HĐ ND	Số tiền miễn, giảm đề nghị NSNN cấp bù học kỳ 2 năm học 2024-2025
				Đối tượng được giảm 70% học phí								Đối tượng được giảm 50% học phí						
				1. Trẻ em học MG và HS, SV bị tàn tật, khuyết tật thuộc diện nghèo hoặc cận nghèo	2. Trẻ em học MG và học sinh dưới 16 tuổi không có nguồn nuôi dưỡng	3. Trẻ em học mẫu giáo và học sinh phổ thông có cha mẹ thuộc diện hộ nghèo	4. Trẻ em học mẫu giáo và học sinh phổ thông là con của hạ sĩ quan và binh sĩ, chiến sĩ	5. Trẻ em học mẫu giáo và học sinh phổ thông dân tộc nội trú	7. Học sinh trường phổ thông dân tộc ít người ở vùng KTXH khó khăn (Ơ du)	11. Học sinh người dân tộc thiểu số rất ít người ở vùng KTXH khó khăn (Ơ du)	Học sinh 5 tuổi	Cộng đối tượng miễn học phí	3. Trẻ em học mẫu giáo và học sinh là người dân tộc thiểu số ở vùng kinh tế xã hội ĐBKK	Cộng đối tượng giảm 70%	1. Trẻ em học mẫu giáo và học sinh, là con cán bộ công nhân , viên chức bị tai nạn lao động	2. Trẻ em học mẫu giáo và học sinh phổ thông có cha mẹ thuộc hộ cận nghèo		
I	Lớp : Mẫu giáo Bé A			0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	2	500.000	
1	Nguyễn Bảo Ngọc	D.Tân -D.Châu -N.An	Kinh													1	100.000	
2	Nguyễn Khánh Ngân	D.Tân -D.Châu -N.An	Kinh													1	100.000	
II	Lớp : Mẫu giáo Nhỡ A			0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	1	250.000	
1	Hoàng Mỹ Linh	D.Tân -D.Châu -N.An	Kinh													1	100.000	
III	Lớp : Mẫu giáo Nhỡ C			0	0	1	1	0	0	0	0	2	0	0	0	3	1.750.000	
1	Nguyễn Thị Khánh Diễm	D.Tân -D.Châu -N.An	Kinh				1					1					100.000	
2	Phạm Thị Hải Yến	D.Tân -D.Châu -N.An	Kinh			1						1					100.000	
3	Nguyễn Thị Thanh Trúc	D.Tân -D.Châu -N.An	Kinh									0				1	100.000	
4	Lưu Gia Bảo	D.Tân -D.Châu -N.An	Kinh									0				1	100.000	

Trong đó học sinh thuộc đối tượng chính sách (ghi số lượng HS)																		
TT	Họ và tên	Hộ khẩu thường trú	Dân tộc	Đối tượng được miễn học phí (thứ tự theo TT số 09/2016)										Đối tượng được giảm 50% học phí		Mức thu học phí theo NQ số 53/2016 / NQ.HĐ ND	Số tiền miễn, giảm đề nghị NSNN cấp bù học kỳ 2 năm học 2024-2025	
				1. Trẻ em học MG và HS, SV bị tàn tật, khuyết tật thuộc diện nghèo hoặc cận nghèo	2. Trẻ em học MG và HS, SV bị tàn tật, khuyết tật thuộc diện nghèo hoặc cận nghèo	3. Trẻ em học MG và HS, SV bị tàn tật, khuyết tật thuộc diện nghèo hoặc cận nghèo	4. Trẻ em học mẫu giáo và học sinh phổ thông có cha mẹ thuộc hộ nghèo	5. Trẻ em học mẫu giáo và học sinh phổ thông là con của hạ sĩ quan và binh sĩ, chiến sĩ	7. Học sinh trường phổ thông dân tộc nội trú	11. Học sinh người dân tộc thiểu số rất ít người ở vùng KTXH khó khăn (Ơ du)	Học sinh 5 tuổi	Cộng đối tượng miễn học phí	3. Trẻ em học mẫu giáo và học sinh, là người dân tộc thiểu số ở vùng kinh tế xã hội ĐBK	Cộng đối tượng giảm 70%	1. Trẻ em học mẫu giáo và học sinh, là con cán bộ công nhân, viên chức bị tai nạn lao động			2. Trẻ em học mẫu giáo và học sinh phổ thông có cha mẹ thuộc hộ cận nghèo
IV	Lớp : Mẫu giáo Lớn A			0	0	0	0	0	0	0	0	0	35	0	0	0	0	17.500.000
1	Nguyễn Đình La Phong	D. Tân-D. Châu -N. An	Kinh										1	1				500.000
2	Phạm Khắc Minh Khôi	D. Tân-D. Châu -N. An	Kinh										1	1				500.000
3	Bùi Trường An	D. Tân-D. Châu -N. An	Kinh										1	1				500.000
4	Cao Quốc Anh	D. Tân-D. Châu -N. An	Kinh										1	1				500.000
5	Lê Đức Minh Anh	D. Tân-D. Châu -N. An	Kinh										1	1				500.000
6	Nguyễn Hoàng Anh	D. Tân-D. Châu -N. An	Kinh										1	1				500.000
7	Nguyễn Quang Khai Anh	D. Tân-D. Châu -N. An	Kinh										1	1				500.000
8	Hoàng Công Bách	D. Tân-D. Châu -N. An	Kinh										1	1				500.000
9	Đậu Thị Diệp Chi	D. Tân-D. Châu -N. An	Kinh										1	1				500.000
10	Hoàng Linh Chi	D. Tân-D. Châu -N. An	Kinh										1	1				500.000
11	Lưu Diệp Linh Chi	D. Tân-D. Châu -N. An	Kinh										1	1				500.000
12	Nguyễn Văn Cường	D. Tân-D. Châu -N. An	Kinh										1	1				500.000
13	Hoàng Anh Dũng	D. Tân-D. Châu -N. An	Kinh										1	1				500.000

Trong đó học sinh thuộc đối tượng chính sách (ghi số lượng HS)																	
TT	Họ và tên	Hộ khẩu thường trú	Dân tộc	Đối tượng được miễn học phí (thứ tự theo TT số 09/2016)										Đối tượng được giảm 50% học phí		Mức thu học phí theo NQ số 53/2016 / NQ.HD ND	Số tiền miễn, giảm đề nghị NSNN cấp bù học kỳ 2 năm học 2024-2025
				Đối tượng được giảm 70% học phí										Đối tượng được giảm 50% học phí			
				1. Người CCC M và thân nhân của người có công với CM	2. Trẻ em học MG và HS, SV bị tàn tật, khuyết tật thuộc diện nghèo hoặc cận nghèo	3. Trẻ em học MG và học sinh dưới 16 tuổi không có nguồn nuôi dưỡng	4. Trẻ em học mẫu giáo và học sinh phổ thông có cha mẹ thuộc diện hộ nghèo	5. Trẻ em học mẫu giáo và học sinh phổ thông là con của hạ sĩ quan và binh sĩ, chiến sĩ	7. Học sinh trường g phổ thông dân tộc nội trú	11. Học sinh người dân tộc thiểu số rất ít người ở vùng KTXH khó khăn (Ơ đư)	Học sinh 5 tuổi	Cộng đồng tương ứng miễn học phí	3. Trẻ em học mẫu giáo và học sinh, là người dân tộc thiểu số ở vùng kinh tế xã hội ĐBKK	Cộng đồng tương ứng giảm 70%	1. Trẻ em học mẫu giáo và học sinh, là con cán bộ công nhân, viên chức bị tai nạn lao động		
14	Hoàng Ánh Dương	D. Tân-D. Châu -N. An	Kinh									1	/				500.000
15	Trần Tiến Đạt	D. Tân-D. Châu -N. An	Kinh									1	/				500.000
16	Nguyễn Anh Đức	D. Tân-D. Châu -N. An	Kinh									1	/				500.000
17	Lưu Hoàng Hải	D. Tân-D. Châu -N. An	Kinh									1	/				500.000
18	Cao Xuân Huy	D. Tân-D. Châu -N. An	Kinh									1	/				500.000
19	Hoàng Gia Huy	D. Tân-D. Châu -N. An	Kinh									1	/				500.000
20	Lưu Trần Đăng Khôi	D. Tân-D. Châu -N. An	Kinh									1	/				500.000
21	Nguyễn,Quốc Kỳ	D. Tân-D. Châu -N. An	Kinh									1	/				500.000
22	Đậu Nguyễn Gia Linh	D. Tân-D. Châu -N. An	Kinh									1	/				500.000
23	Nguyễn Tú Linh	D. Tân-D. Châu -N. An	Kinh									1	/				500.000
24	Nguyễn Thanh Luyện	D. Tân-D. Châu -N. An	Kinh									1	/				500.000
25	Nguyễn Bảo Ngọc	D. Tân-D. Châu -N. An	Kinh									1	/				500.000
26	Lưu Tuệ Nhi	D. Tân-D. Châu -N. An	Kinh									1	/				500.000
27	Lê Hoàng Phong	D. Tân-D. Châu -N. An	Kinh									1	/				500.000

TT	Họ và tên	Hộ khẩu thường trú	Dân tộc	Trong đó học sinh thuộc đối tượng chính sách (ghi số lượng HS)											Mức thu học phí theo NQ số 53/2016 / NQ.HĐ ND	Số tiền miễn, giảm đề nghị NSNN cấp bù học kỳ 2 năm học 2024-2025		
				Đối tượng được miễn học phí (thứ tự theo TT số 09/2016)								Đối tượng được giảm 70% học phí					Đối tượng được giảm 50% học phí	
				1. Người CCC M và thân nhân của người có công với CM	2. Trẻ em học MG và HS, SV bị tàn tật, khuyết tật có công với CM	3. Trẻ em học MG và học sinh dưới 16 tuổi không có nguồn nuôi dưỡng cận nghèo	4. Trẻ em học mẫu giáo và học sinh phổ thông có cha mẹ thuộc diện hộ nghèo	5. Trẻ em học mẫu giáo và học sinh phổ thông là con của hạ sĩ quan và binh sĩ, chiến sĩ	7. Học sinh trường phổ thông dân tộc nội trú	11. Học sinh người dân tộc thiểu số rất ít người ở vùng KTXH khó khăn (Ơ đư)	Học sinh 5 tuổi	Cộng đối tượng miễn học phí	3. Trẻ em học mẫu giáo và học sinh, là người dân tộc thiểu số ở vùng kinh tế xã hội ĐBKK	Cộng đối tượng giảm 70%				
																		1. Trẻ em học mẫu giáo và học sinh, là con cán bộ công nhân, viên chức bị tai nạn lao động
28	Cao Thục Quyên	D.Tân-D.Châu -N.An	Kinh								1	/						
29	Vũ Đức Toàn	D.Tân-D.Châu -N.An	Kinh								1	/						
30	Lưu Thị Trúc Trà	D.Tân-D.Châu -N.An	Kinh								1	/						
31	Cao Bảo Trân	D.Tân-D.Châu -N.An	Kinh								1	/						
32	Nguyễn Thị Huyền Trang	D.Tân-D.Châu -N.An	Kinh								1	/						
33	Phạm Minh Triết	D.Tân-D.Châu -N.An	Kinh								1	/						
34	Phan Minh Trung	D.Tân-D.Châu -N.An	Kinh								1	/						
35	Nguyễn Văn Anh Tuấn	D.Tân-D.Châu -N.An	Kinh								1	/						
V	Lớp : Mẫu giáo Lớn B			0	0	0	0	0	0	0	32	32	0	0	0	0	0	16.000.000
1	Phạm Thành Đạt	D.Tân-D.Châu -N.An	Kinh								1	1						500.000
2	Lưu Hoài An	D.Tân-D.Châu -N.An	Kinh								1	1						500.000
3	Nguyễn Hữu Duy	D.Tân-D.Châu -N.An	Kinh								1	1						500.000
4	Hoàng Văn Đức	D.Tân-D.Châu -N.An	Kinh								1	1						500.000
5	Nguyễn Linh Giang	D.Tân-D.Châu -N.An	Kinh								1	1						500.000

TT	Họ và tên	Hộ khẩu thường trú	Dân tộc	Trong đó học sinh thuộc đối tượng chính sách (ghi số lượng HS)												Mức thu học phí theo NQ số 53/2016 / NQ.HĐ ND	Số tiền miễn, giảm đề nghị NSNN cấp bù học kỳ 2 năm học 2024-2025		
				Đối tượng được miễn học phí (thứ tự theo TT số 09/2016)								Đối tượng được giảm 70% học phí						Đối tượng được giảm 50% học phí	
				1. Trẻ em học MG và HS, SV bị tàn tật, khuyết tật thuộc diện hộ cận nghèo	2. Trẻ em học MG và HS, SV bị tàn tật, khuyết tật	3. Trẻ em học MG và học sinh dưới 16 tuổi không có nguồn nuôi dưỡng	4. Trẻ em học mẫu giáo và học sinh phổ thông có cha mẹ thuộc diện hộ nghèo	5. Trẻ em học mẫu giáo và học sinh phổ thông là con của hạ sĩ quan và binh sĩ, chiến sĩ	7. Học sinh trường g phổ thông dân tộc nội trú	11. Học sinh người dân tộc thiểu số rất ít người ở vùng KTXH khó khăn (Ở đư)	Học sinh 5 tuổi	Cộng đồng tương miễn học phí	3. Trẻ em học mẫu giáo và học sinh, là người dân tộc thiểu số ở vùng kinh tế xã hội ĐBK	Cộng đồng tương giảm 70%	1. Trẻ em học mẫu giáo và học sinh, là con cán bộ công nhân, viên chức bị tai nạn lao động			2. Trẻ em học mẫu giáo và học sinh phổ thông có cha mẹ thuộc hộ cận nghèo	Cộng đồng tương giảm 50%
6	Nguyễn Phúc Hậu	D. Tân-D. Châu -N. An	Kinh									1	/						500.000
7	Lưu Đức Hòa	D. Tân-D. Châu -N. An	Kinh									1	/						500.000
8	Nguyễn Đình Phúc Hưng	D. Tân-D. Châu -N. An	Kinh									1	/						500.000
9	Nguyễn Thị Mai Hương	D. Tân-D. Châu -N. An	Kinh									1	/						500.000
10	Nguyễn Khánh Huyền	D. Tân-D. Châu -N. An	Kinh									1	/						500.000
11	Phạm Thị Ngọc Huyền	D. Tân-D. Châu -N. An	Kinh									1	/						500.000
12	Cao Đăng Khoa	D. Tân-D. Châu -N. An	Kinh									1	/						500.000
13	Lê Minh Khôi	D. Tân-D. Châu -N. An	Kinh									1	/						500.000
14	Nguyễn Hà Gia Linh	Yên Thành	Kinh									1	/						500.000
15	Nguyễn Ngọc Mai	D. Tân-D. Châu -N. An	Kinh									1	/						500.000
16	Lê Khôi Nguyên	D. Tân-D. Châu -N. An	Kinh									1	/						500.000
17	Phạm Thiện Nhân	D. Tân-D. Châu -N. An	Kinh									1	/						500.000
18	Nguyễn Phương Nhi	Đồ Lương-D. Châu -N. An	Kinh									1	/						500.000
19	Nguyễn Quỳnh Như	D. Tân-D. Châu -N. An	Kinh									1	/						500.000

Trong đó học sinh thuộc đối tượng chính sách (ghi số lượng HS)																	
TT	Họ và tên	Hộ-khẩu thường trú	Dân tộc	Đối tượng được miễn học phí (thứ tự theo TT số 09/2016)								Đối tượng được giảm 70% học phí		Đối tượng được giảm 50% học phí		Mức thu học phí theo NQ số 53/2016 / NQ.HĐ ND	Số tiền miễn, giảm đề nghị NSNN cấp bù học kỳ 2 năm học 2024-2025
				1. Người CCC M và thân nhân của người có công với CM	2. Trẻ em học MIG và HS, SV bị tàn tật, khuyết tật hoặc thuộc diện nghèo hoặc cận nghèo	3. Trẻ em học MIG và học sinh dưới 16 tuổi không có nguồn nuôi dưỡng	4. Trẻ em học mẫu giáo và học sinh phổ thông có cha mẹ thuộc diện hộ nghèo	5. Trẻ em học mẫu giáo và học sinh phổ thông là con của hạ sĩ quan và binh sĩ, chiến sĩ	7. Học sinh trường phổ thông dân tộc nội trú	11. Học sinh người dân tộc thiểu số rất ít người ở vùng KTXH khó khăn (Ơ đư)	Học sinh 5 tuổi	Cộng đồng tương miễn học phí	3. Trẻ em học mẫu giáo và học sinh, là người dân tộc thiểu số ở vùng kinh tế xã hội ĐBK	Cộng đồng tương giảm 70%	1. Trẻ em học mẫu giáo và học sinh, là con cán bộ công nhân viên chức bị tai nạn lao động		
V1	Lớp : Mẫu giáo Lớn C			0	0	0	0	0	0	0	33	33	0	0	0	0	16.500.000
1	Lê Minh Dũng	D.Tân-D.Châu -N.An	Kinh								1	/					500.000
2	Đậu Thiện Hoàng Gia	D.Tân-D.Châu -N.An	Kinh								1	/					500.000
4	Phạm Hoài An	D.Tân-D.Châu -N.An	Kinh								1	/					500.000
4	Hoàng Ngọc Lan Anh	D.Tân-D.Châu -N.An	Kinh								1	/					500.000
5	Hoàng Gia Bảo	D.Tân-D.Châu -N.An	Kinh								1	/					500.000
6	Đậu Thị Bảo Châu	D.Tân-D.Châu -N.An	Kinh								1	/					500.000
7	Lưu Văn Đạt	D.Tân-D.Châu -N.An	Kinh								1	/					500.000
8	Lưu Kỳ Hoa	D.Tân-D.Châu -N.An	Kinh								1	/					500.000
9	Nguyễn Đình Gia Huy	D.Tân-D.Châu -N.An	Kinh								1	/					500.000
10	Cao Đăng Khải	D.Tân-D.Châu -N.An	Kinh								1	/					500.000
11	Hoàng Lê Bảo Khang	D.Tân-D.Châu -N.An	Kinh								1	/					500.000
12	Trần Minh Khang	D.Tân-D.Châu -N.An	Kinh								1	/					500.000
13	Nguyễn Minh Khánh	D.Tân-D.Châu -N.An	Kinh								1	/					500.000

Trong đó học sinh thuộc đối tượng chính sách (ghi số lượng HS)																				
TT	Họ và tên	Hộ khẩu thường trú	Dân tộc	Đối tượng được miễn học phí (thứ tự theo TT số 09/2016)											Đối tượng được giảm 70% học phí		Đối tượng được giảm 50% học phí		Mức thu học phí theo NQ số 53/2016 / NQ.HĐ ND	Số tiền miễn, giảm để nghị NSNN cấp bù học kỳ 2 năm học 2024-2025
				1. Người CCC M và thân nhân của người có công với CM	2. Trẻ em học MG và HS, SV bị tàn tật, khuyết tật thuộc diện nghèo hoặc cận nghèo	3. Trẻ em học MG và học sinh dưới 16 tuổi không có nguồn nuôi dưỡng	4. Trẻ em học mẫu giáo và học sinh phổ thông có cha mẹ thuộc diện hộ nghèo	5. Trẻ em học mẫu giáo và học sinh phổ thông là con của hạ sĩ quan và binh sĩ, chiến sĩ	7. Học sinh trường phổ thông dân tộc nội trú	11. Học sinh người dân tộc thiểu số rất ít người ở vùng KTXH khó khăn (Ơ đư)	Học sinh 5 tuổi	Cộng đồng tương ứng miễn học phí	3. Trẻ em học mẫu giáo và học sinh, là người dân tộc thiểu số ở vùng kinh tế xã hội ĐBKK	Cộng đồng tương ứng giảm 70%	1. Trẻ em học mẫu giáo và học sinh, là con cán bộ công nhân viên chức bị tai nạn lao động	2. Trẻ em học mẫu giáo và học sinh phổ thông có cha mẹ thuộc hộ cận nghèo	Cộng đồng tương ứng giảm 50%			
14	Phan Đăng Khoa	D. Tân-D. Châu -N. An	Kinh										1	/					500.000	
15	Lưu Đăng Khôi	D. Tân-D. Châu -N. An	Kinh										1	/					500.000	
16	Thái Nguyễn Minh Khôi	D. Thọ-D. Châu -N. An	Kinh										1	/					500.000	
17	Hoàng Dương Ngọc Khuê	D. Tân-D. Châu -N. An	Kinh										1	/					500.000	
18	Đinh Tuệ Lâm	D. Tân-D. Châu -N. An	Kinh										1	/					500.000	
19	Lưu Thị Hà My	D. Tân-D. Châu -N. An	Kinh										1	/					500.000	
20	Lương Sỹ Nam	D. Thịnh-D. Châu -N. An	Kinh										1	/					500.000	
21	Đinh Thùy Nhi	D. Tân-D. Châu -N. An	Kinh										1	/					500.000	
22	Ma Minh Quân	D. Thịnh-D. Châu -N. An	Kinh										1	/					500.000	
23	Đậu Anh Quốc	D. Tân-D. Châu -N. An	Kinh										1	/					500.000	
24	Đoàn Thị Lệ Quyền	D. Thọ-D. Châu -N. An	Kinh										1	/					500.000	
25	Nguyễn Đình Tài	D. Tân-D. Châu -N. An	Kinh										1	/					500.000	
26	Lê Thị Thanh Thảo	D. Tân-D. Châu -N. An	Kinh										1	/					500.000	
27	Trương Kim Tiền	D. Tân-D. Châu -N. An	Kinh										1	/					500.000	

TT	Họ và tên	Hộ Khẩu thường trú	Dân tộc	Trong đó học sinh thuộc đối tượng chính sách (ghi số lượng HS)												Mức thu học phí theo NQ số 53/2016 / NQ.HD ND	Số tiền miễn, giảm đề nghị NSNN cấp bù học kỳ 2 năm học 2024-2025
				Đối tượng được miễn học phí (thứ tự theo TT số 09/2016)								Đối tượng được giảm 70% học phí		Đối tượng được giảm 50% học phí			
				1. Người CCC M và thân nhân của người có công với CM	2. Trẻ em học MG và HS, SV bị tàn tật, khuyết t tật thuộc diện nghèo hoặc cận nghèo	3. Trẻ em học MG và học sinh dưới 16 tuổi không có nguồn nuôi dưỡng	4. Trẻ em học mẫu giáo và học sinh phổ thông có cha mẹ thuộc diện hộ nghèo	5. Trẻ em học mẫu giáo và học sinh phổ thông là con của hạ sĩ quan và binh sĩ, chiến sĩ	7. Học sinh trường g phổ thông dân tộc nội trú	11. Học sinh người dân tộc thiểu số rất ít người ở vùng KTXH khó khăn (Ơ đù)	Học sinh 5 tuổi	Cộng đồng tương đối miễn học phí	3. Trẻ em học mẫu giáo và học sinh, là người dân tộc thiểu số ở vùng kinh tế xã hội ĐBK	Cộng đồng tương đối giảm 70%	1. Trẻ em học mẫu giáo và học sinh, là con cán bộ công nhân viên chức bị tai nạn lao động		
28	Lê Thị Huyền Trang	D.Tân-D.Châu -N.An	Kinh									1	/				500.000
29	Trương Minh Triết	D.Tân-D.Châu -N.An	Kinh									1	/				500.000
30	Đậu Thiện Trọng	D.Tân-D.Châu -N.An	Kinh									1	/				500.000
31	Nguyễn Thị Thanh Trúc	D.Tân-D.Châu -N.An	Kinh									1	/				500.000
32	Lưu Xuân Trường	D.Tân-D.Châu -N.An	Kinh									1	/				500.000
33	Phan Thế Vinh	D.Tân-D.Châu -N.An	Kinh									1	/				500.000
VII	Lớp : Mẫu giáo Lớn D			0	0	0	0	0	0	0	31	31	0	0	0	0	15.500.000
1	Phan Phương Trinh	D.Tân-D.Châu -N.An	Kinh									1	/				500.000
2	Nguyễn Thiện Tâm	D.Tân-D.Châu -N.An	Kinh									1	/				500.000
3	Phan Thực Quên	D.Tân-D.Châu -N.An	Kinh									1	/				500.000
4	Nguyễn Đình Bảo Long	D.Tân-D.Châu -N.An	Kinh									1	/				500.000
5	Trịnh Lê Bảo Châu	D.Tân-D.Châu -N.An	Kinh									1	/				500.000
6	Phan Nguyễn Thiên Di	Đắc Nông	Kinh									1	/				500.000
7	Nguyễn Thị Dung											1	/				500.000

Trong đó học sinh thuộc đối tượng chính sách (ghi số lượng HS)																		
TT	Họ và tên	Hộ khẩu thường trú	Dân tộc	Đối tượng được miễn học phí (thứ tự theo TT số 09/2016)										Số tiền miễn, giảm đề nghị NSNN cấp bù học kỳ 2 năm học 2024-2025				
				Đối tượng được giảm 70% học phí				Đối tượng được giảm 50% học phí				Mức thu học phí theo NQ số 53/2016 / NQ-HĐ ND						
				1. Trẻ em học MG và HS, SV bị tàn tật, khuyết tật thuộc diện nghèo hoặc cận nghèo	3. Trẻ em học MG và HS, SV bị tàn tật, khuyết tật thuộc diện nghèo hoặc cận nghèo	4. Trẻ em học mẫu giáo và học sinh phổ thông có cha mẹ thuộc diện hộ nghèo	5. Trẻ em học mẫu giáo và học sinh phổ thông là con của hạ sĩ quan và binh sĩ, chiến sĩ	7. Học sinh trong g phổ thông dân tộc nội trú	11. Học sinh người dân tộc thiểu số ít người ở vùng KTXH khó khăn (Ở đư)	Học sinh 5 tuổi	Cộng đối tượng miễn học phí		3. Trẻ em học mẫu giáo và học sinh, là người dân tộc thiểu số ở vùng kinh tế xã hội ĐBKK		Cộng đối tượng giảm 70%	1. Trẻ em học mẫu giáo và học sinh, cán bộ công nhân, viên chức bị tai nạn lao động	2. Trẻ em học mẫu giáo và học sinh phổ thông có cha mẹ thuộc hộ cận nghèo	Cộng đối tượng giảm 50%
8	Trần Hữu Đức	D. Tân-D. Châu - N. An	Kinh									1	/					500.000
9	Đậu Ngọc Gia Huy	D. Tân-D. Châu - N. An	Kinh									1	/					500.000
10	Nguyễn Gia Huy	D. Tân-D. Châu - N. An	Kinh									1	/					500.000
11	Trần Đăng Khoa	D. Tân-D. Châu - N. An	Kinh									1	/					500.000
12	Phan Nhật Bảo Khôi	D. Tân-D. Châu - N. An	Kinh									1	/					500.000
13	Hoàng Nguyễn Thùy Linh	D. Tân-D. Châu - N. An	Kinh									1	/					500.000
14	Cao Đức Long	D. Tân-D. Châu - N. An	Kinh									1	/					500.000
15	Nguyễn Hoàng Long	D. Tân-D. Châu - N. An	Kinh									1	/					500.000
16	Lê Trần Khánh Ly	D. Tân-D. Châu - N. An	Kinh									1	/					500.000
17	Phan Thị Thảo Mai	D. Tân-D. Châu - N. An	Kinh									1	/					500.000
18	Hoàng Khôi Nguyên	D. Tân-D. Châu - N. An	Kinh									1	/					500.000
19	Hoàng Kỳ Nguyên	D. Tân-D. Châu - N. An	Kinh									1	/					500.000
20	Nguyễn Thị Ánh Nguyệt	D. Tân-D. Châu - N. An	Kinh									1	/					500.000

Trong đó học sinh thuộc đối tượng chính sách (ghi số lượng HS)																	
TT	Họ và tên	Hộ khẩu thường trú	Dân tộc	Đối tượng được miễn học phí (thứ tự theo TT số 09/2016)								Đối tượng được giảm 70% học phí		Đối tượng được giảm 50% học phí		Mức thu học phí theo NQ số 53/2016 / NQ.HĐ ND	Số tiền miễn, giảm để nghị NSNN cấp bù học kỳ 2 năm học 2024-2025
				1. Trẻ em học MG và HS, M và thân nhân của người có công với CM	2. Trẻ em học MG và HS, SV bị tàn tật, khuyết tật hoặc cận nghèo	3. Trẻ em học MG và HS, sinh dưới 16 tuổi không có nguồn nuôi dưỡng	4. Trẻ em học mẫu giáo và học sinh phổ thông là con của hạ sĩ quan và binh sĩ, chiến sĩ	7. Học sinh trong g phổ thông dân tộc nội trú	11. Học sinh người dân tộc thiểu số rất ít người ở vùng KTXH khó khăn (O du)	Học sinh 5 tuổi	Cộng đồng tương ứng miễn học phí	3. Trẻ em học mẫu giáo và học sinh, là người dân tộc thiểu số ở vùng kinh tế xã hội ĐBK	Cộng đồng tương ứng giảm 70%	1. Trẻ em học mẫu giáo và học sinh, là con cán bộ công nhân viên chức bị tai nạn lao động	2. Trẻ em học mẫu giáo và học sinh phổ thông có cha mẹ thuộc hộ cận nghèo		
VIII	Lớp : Mẫu giáo Lớn E			0	0	0	0	0	0	0	31	31	0	0	0	0	15.500.000
1	Ma Xuân An	D.Thịnh-D.Châu -N.A	Kinh								1	/					500.000
2	Nguyễn Trần Bảo Anh	D.Tân-D.Châu -N.An	Kinh								1	/					500.000
3	Cao Quỳnh Chi	D.Tân-D.Châu -N.An	Kinh								1	/					500.000
4	Trần Quốc Công	D.Tân-D.Châu -N.An	Kinh								1	/					500.000
5	Trần Ngọc Diệp	D.Tân-D.Châu -N.An	Kinh								1	/					500.000
6	Nguyễn Anh Duy	D.Tân-D.Châu -N.An	Kinh								1	/					500.000
7	Hoàng Hai Đăng	D.Tân-D.Châu -N.An	Kinh								1	/					500.000
8	Ma Thành Đô	D.Thịnh-D.Châu -N.A	Kinh								1	/					500.000
9	Trần Hương Giang	D.Tân-D.Châu -N.An	Kinh								1	/					500.000
10	Cao Thị Minh Hợp	D.Tân-D.Châu -N.An	Kinh								1	/					500.000
11	Nguyễn Huy Hùng	D.Thịnh-D.Châu -N.A	Kinh								1	/					500.000
12	Nguyễn Trần Đức Huy	D.Tân-D.Châu -N.An	Kinh								1	/					500.000

Trong đó học sinh thuộc đối tượng chính sách (ghi số lượng HS)																			
TT	Họ và tên	Hộ khẩu thường trú	Dân tộc	Đối tượng được miễn học phí (thứ tự theo TT số 09/2016)								Đối tượng được giảm 70% học phí		Đối tượng được giảm 50% học phí			Mức thu học phí theo NQ số 53/2016 / NQ.HĐ ND	Số tiền miễn, giảm đề nghị NSNN cấp bù học kỳ 2 năm học 2024-2025	
				1. Trẻ em học MG và HS, SV bị tàn tật, khuyết tật thuộc diện nghèo hoặc cận nghèo	2. Trẻ em học MG và học sinh dưới 16 tuổi không có nguồn nuôi dưỡng	3. Trẻ em học mẫu giáo và học sinh phổ thông có cha mẹ thuộc diện hộ nghèo	4. Trẻ em học mẫu giáo và học sinh phổ thông là con của hạ sĩ quan và binh sĩ, chiến sĩ	5. Trẻ em học mẫu giáo và học sinh phổ thông dân tộc nội trú	7. Học sinh trường g phổ thông dân tộc ít người ở vùng KTNH khó khăn (Ở đư)	11. Học sinh người dân tộc ít người ở vùng KTNH khó khăn (Ở đư)	Học sinh 5 tuổi	Cộng đối tượng miễn học phí	3. Trẻ em học mẫu giáo và học sinh, là người dân tộc thiểu số ở vùng kinh tế xã hội DBKK	Cộng đối tượng giảm 70%	1. Trẻ em học mẫu giáo và học sinh, là con cán bộ công nhân viên chức bị tai nạn lao động	2. Trẻ em học mẫu giáo và học sinh, là con người dân tộc thiểu số ở vùng kinh tế xã hội DBKK			Cộng đối tượng giảm 50%
13	Hoàng Đăng Khoa	D.Tân-D.Châu -N.An	Kinh														500.000		
14	Cao Minh Khởi	D.Tân-D.Châu -N.An	Kinh														500.000		
15	Trần Ngọc Lan	D.Tân-D.Châu -N.An	Kinh														500.000		
16	Nguyễn Khánh Ly	D.Tân-D.Châu -N.An	Kinh														500.000		
17	Phan Đình Năng	D.Tân-D.Châu -N.An	Kinh														500.000		
18	Trần Duy Nghĩa	D.Tân-D.Châu -N.An	Kinh														500.000		
19	Nguyễn Thị Bảo Ngọc	D.Tân-D.Châu -N.An	Kinh														500.000		
20	Ngô Kiều Oanh	D.Tân-D.Châu -N.An	Kinh														500.000		
21	Nguyễn Kiều Oanh	D.Tân-D.Châu -N.An	Kinh														500.000		
22	Trần Hữu Phát	D.Tân-D.Châu -N.An	Kinh														500.000		
23	Lưu Cao Bảo Quốc	D.Tân-D.Châu -N.An	Kinh														500.000		
24	Ngô Diễm Quỳnh	D.Tân-D.Châu -N.An	Kinh														500.000		
25	Trần Quốc Tây	D.Tân-D.Châu -N.An	Kinh														500.000		

[illegible]

Diễn Châu, ngày 21 tháng 02 năm 2025

KẾ TOÁN

HUYỀN TRƯỜNG

TRƯỞNG
MẦM NON
DIỄN TÂN

Cao Thị Hồng Thảo

Trần Thị Thủy

DANH SÁCH TRẺ EM MẪU GIÁO ĐƯỢC HỖ TRỢ ĂN TRƯA
HỌC KỲ II NĂM HỌC 2024-2025 (THÁNG 1.2025 ĐẾN THÁNG 5.2025)

TT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Số tiền được hỗ trợ / tháng	Đối tượng			Số tháng	Kinh phí hỗ trợ (nghìn đồng)	Ghi chú
				Trẻ em có cha hoặc có mẹ hoặc có người chăm sóc trẻ em hoặc trẻ em thường trú ở xã, thôn ĐRKK	Trẻ em học MG và HS, SV bị tàn tật, khuyết tật thuộc diện nghèo hoặc cận nghèo	Trẻ em là nhân khẩu trong gia đình thuộc diện hộ nghèo, cận nghèo			
1	Nguyễn Bảo Ngọc	09/01/2021	160			1	5	800	MG Bé A
2	Nguyễn Khánh Ngân	02/08/2021	160			1	5	800	MG Bé A
3	Lương Khánh Ngân	23/01/2021	160	1			5	800	MG Bé B
4	Hoàng Mỹ Linh	18/08/2020	160			1	5	800	MG Nhỡ A
5	Nguyễn Thị Khánh Diễm	11/11/2020	160		1		5	800	MG Nhỡ C
6	Phạm Thị Hải Yến	20/06/2020\	160		1		5	800	MG Nhỡ C
7	Nguyễn Thị Thanh Trúc	05/03/2020	160			1	5	800	MG Nhỡ C
8	Lưu Gia Bảo	03/11/2020	160			1	5	800	MG Nhỡ C
9	Lê Thị Phương Thảo	24/05/2020	160			1	5	800	MG Nhỡ C
10	Nguyễn Đình La Phong	23/03/2019	160			1	5	800	MG Lớn A
11	Phạm Khắc Minh Khôi	04/12/2019	160			1	5	800	MG Lớn A
12	Lê Minh Dũng	07/12/2019	160			1	5	800	MG Lớn C
13	Đậu Thiện Hoàng Gia	24/10/2019	160			1	5	800	MG Lớn C
14	Phan Phương Trinh	16/06/2019	160			1	5	800	MG Lớn D
15	Nguyễn Thiện Tâm	20/10/2019	160			1	5	800	MG Lớn D
16	Phan Thục Quên	23/09/2019	160			1	5	800	MG Lớn D
Tổng cộng:				1	2	13	80	12.800	

Kế toán



Cao Thị Hồng Thảo

Diễn Châu, ngày tháng 02 năm 2025

Trưởng



Trần Thị Thủy

Số: 41 /QĐ- TMNDT

Diễn Tân, ngày 25 tháng 02 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH

Về việc công bố công khai chế độ ăn trưa, chi phí học tập và miễn giảm học phí đã được phê duyệt học kỳ 2 Năm học 2024-2025

Căn cứ thông tư số 36/2017/TT-BGDĐT ngày 28/12/2017 về việc ban hành quy chế thực hiện công khai đối với cơ sở giáo dục và đào tạo thuộc hệ thống giáo dục quốc dân;

Công văn số 130/GD&ĐT-TV ngày 14/02/2025 của Phòng GD&ĐT Diễn Châu về việc thẩm định các chế độ chính sách của học sinh học kỳ 2 năm học 2024-2025.

Căn cứ tờ trình số 40/TR-MN ngày 21/02/2025 của trường Mầm non Diễn Tân về việc đề nghị thẩm định phê duyệt kinh phí thực hiện chế độ miễn, giảm cấp bù học phí; Hỗ trợ chi phí học tập; Chế độ ăn trưa học kỳ 2 năm học 2024-2025 đã được phòng giáo dục đào tạo Diễn Châu phê duyệt

Căn cứ biên bản làm việc ngày 24/02/2025 giữa Phòng GD & ĐT Diễn Châu và Trường Mầm non Diễn Tân, về dự toán thu, chi cấp học phí; Thẩm định chế độ miễn, giảm học phí; hỗ trợ chi phí học tập; chế độ ăn trưa học kỳ 2 năm học 2024-2025.

Xét đề nghị của kế toán Trường Mầm non Diễn Tân,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố công khai chế độ ăn trưa, chi phí học tập và miễn giảm học phí được phê duyệt học kỳ 2 năm học 2024-2025 của Trường Mầm Non Diễn Tân.

(Có biểu mẫu chi tiết kèm theo)

Điều 2. Thời gian từ ngày 25 tháng 02 năm 2025 đến ngày 11 tháng 3 năm 2025

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 4. Kế toán đơn vị và các bộ phận liên quan tổ chức thực hiện Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Lưu :VT, KT.

THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ



Trần Thị Thủy